

*Bản án số: 38/2017/HSST*

*Ngày: 27 - 6 - 2017*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hải Ninh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tô Đức Lộc

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Phòng tư pháp huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

2. Ông Hoàng Đình Tuyển

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Triệu Tuấn Bình – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Chu Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2017, tại Nhà Văn hóa xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn mở phiên tòa lưu động xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2017/ HSST, ngày 29 tháng 5 năm 2017, đối với bị cáo:

**Dương Văn M**, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 06 tháng 4 năm 1987 tại huyện T, tỉnh Thái Bình.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn A, xã L, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Dương Văn G, sinh năm 1958 và con bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1959; vợ: Nguyễn Thị Thu H, con: Có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/02/2017 đến nay. Có mặt.

**NHẬN THẤY**

Bị cáo Dương Văn M bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 10 giờ 20 phút ngày 26/02/2017, Tổ công tác Công an huyện V phối hợp với Phòng PC54 Công an tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Hải quan cửa khẩu T đang làm nhiệm vụ tại xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn phát hiện bắt quả tang Dương Văn M có hành vi cất giấu 17 (Mười bảy) túi ni lon màu trắng nghi là chất ma túy, trong đó có 04 (Bốn) túi ni lon màu trắng bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng; 06 (Sáu) túi ni lon màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng; 03 (Ba) túi ni lon màu trắng bên trong có chứa các tinh thể màu trắng; 01 (Một) túi ni lon màu trắng bên trong có chứa 03 viên nén màu hồng; 01 (Một) túi ni lon màu trắng bên trong có chứa 03 viên nén màu trắng trên mặt có chữ “K”; 01 (Một) túi ni lon màu trắng bên trong có chứa 02 viên nén màu trắng; 01 (Một) túi ni lon màu trắng bên trong có chứa 01 viên nén màu hồng, 01 viên nén màu xanh lá, 01 viên nén màu xanh da trời. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu các đồ vật của bị cáo nghi có liên qua đến việc phạm tội là 01 (Một) túi xách màu đen, 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng, có số imei: 867764020867082, bên trong lắp 01 sim viettel, 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng, có số imei: 867764020375856 bên trong lắp 01 sim viettel, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA model: 1110 đã qua sử dụng và 4.000.000đ (Bốn triệu) đồng.

Tại Bản Kết luận giám định số 131/KL- PC54 ngày 01/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận:

*1/ Phong bì có chữ “QT DUONG VẤN M 1” chất tinh thể màu trắng gửi giám định đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng trọng lượng 3,020 gam (đã trừ bì).*

*2/ Phong bì có chữ “QT DUONG VẤN M 2” chất bột tinh thể màu trắng gửi giám định đều là chất ma túy ketamine, có tổng trọng lượng 3,780 gam (đã trừ bì).*

*3/ Phong bì có chữ “QT DUONG VẤN M 3” chất tinh thể màu trắng gửi giám định đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng trọng lượng 1,915 gam (đã trừ bì).*

*4/ Phong bì có chữ “QT DUONG VẤN M 4”:*

*- 03 (Ba) viên nén màu hồng gửi giám định đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng trọng lượng 0,312 gam (đã trừ bì).*

*- 03 (Ba) viên nén màu trắng trên mặt có chữ “K”; 02 (Hai) viên nén màu trắng; 01 (Một) viên nén màu hồng; 01 (Một) viên nén màu xanh lá cây; 01 (Một) viên nén màu xanh da trời gửi giám định, tất cả đều là chất ma túy MDMA, có tổng trọng lượng 2,312 gam (đã trừ bì).*

Tại cơ quan điều tra, Dương Văn M khai bản thân nghiện ma túy từ tháng 01 năm 2017. Khoảng 15 giờ ngày 23/02/2017, Dương Văn M một mình đi mô tô từ nhà đến thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương mục đích tìm mua ma túy về sử dụng. Đến thị trấn N, Dương Văn M đã gặp và hỏi mua ma túy với một người đàn ông khoảng 35 đến 40 tuổi (Dương Văn M không rõ họ tên, địa chỉ của người đàn ông này). Dương Văn M đưa cho người đàn ông này 3.820.000đồng, người

đàn ông này cầm lấy tiền và chỉ cho Dương Văn M chỗ để ma túy ở dưới viên gạch cách chỗ Dương Văn M đứng khoảng 3m. Dương Văn M lấy túi ma túy, cất vào túi quần phía trước bên phải đang mặc sau đó đi về nhà. Khoảng 23 giờ ngày 23/02/2017, Dương Văn M lấy một ít ma túy ra sử dụng. Đến khoảng 14 giờ ngày 25/02/2017, Dương Văn M mang theo số tiền khoảng 5.000.000đồng và số ma túy còn lại đã mua ngày 23/02/2017 cất vào trong túi sách màu đen và mang theo từ nhà lên Bến xe N, Hà Nội mục đích để sử dụng cho bản thân. Sáng ngày 26/02/2017, Dương Văn M đi xe khách từ Bến xe N lên thị trấn Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để tham quan du lịch. Khoảng 10 giờ cùng ngày, Dương Văn M đi đến Cửa khẩu T, Dương Văn M xuống xe đến ngôi quán nước của anh Nguyễn Văn H để uống nước, khoảng 10 phút sau thì bị lực lượng chức năng đến kiểm tra và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Với nội dung vụ việc như trên, tại bản cáo trạng số 38/ CT-VKS, ngày 29/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Dương Văn M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Dương Văn M khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như Cáo trạng truy tố đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận với nội dung: Bị cáo Dương Văn M khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi và số lượng ma túy bị cáo tàng trữ đủ căn cứ truy tố hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; Điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Dương Văn M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung. Về xử lý vật chứng: Tang vật là ma túy và vật đựng ma túy (Túi xách màu đen), đề nghị tịch thu tiêu hủy; đề nghị trả lại 03 điện thoại di động và 4.000.000đồng cho bị cáo.

Bị cáo Dương Văn M nhất trí với luận tội của Đại diện viện kiểm sát và không có lời bào chữa.

Lời nói sau cùng của bị cáo rất hối hận về hành vi sử dụng, tàng trữ trái phép chất ma túy đã thực hiện, bị cáo hứa sửa chữa lỗi lầm và mong được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **XÉT THẤY**

Ngày 26/02/2017, tại địa điểm xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn bị cáo Dương Văn M đã bị phát hiện có hành vi tàng trữ 17 (Mười bảy) túi ni lon màu trắng, qua kết quả giám định tất cả đều là chất ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân.

Theo quy định tại điểm a, mục 2.5 thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT – BCA-VKSNDTC- TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII “các tội về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999, do các chất ma túy bị cáo Dương Văn M tàng trữ có 03 loại, gồm Methamphetamine, Ketamine, MDMA (Ecstasy) đều có trọng lượng dưới mức tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 194, do vậy tổng trọng lượng các chất ma túy bị cáo Dương Văn M tàng trữ, cụ thể là:

1. Chất ma túy Methamphetamine, có tổng trọng lượng 5,247 gam (đã trừ bì) = 26,16%

2. Chất ma túy Ketamine, có tổng trọng lượng 3,780 gam (đã trừ bì) = 18,9%

3. Chất ma túy MDMA (Ecstasy), có tổng trọng lượng 2,312 gam (đã trừ bì) = 11,56%

Tổng tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của các chất ma túy là: 56,652% (dưới 100%) cho nên bị cáo Dương Văn M phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Lời khai của bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng, tang vật thu giữ trong vụ án, Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác. Do đó, bị cáo Dương Văn M đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Căn cứ khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015; điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội. Công văn số 276/TANDTC- PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Danh mục một số quy định có lợi cho người phạm tội trong Bộ luật Hình sự năm 2015 ban hành kèm theo Công văn thì khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Tội tàng trữ trái phép chất ma túy) nằm trong danh mục nội dung quy định có lợi. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đối với bị cáo Dương Văn M khi quyết định hình phạt.

Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với bị cáo như sau:

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật nghiêm cấm. Hành vi đó xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về quản lý chất ma túy. Hành vi phạm tội của bị cáo làm mất trật tự trị an xã hội, góp phần làm gia tăng tội phạm về ma túy, góp phần là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác.

Về nhân thân: Bị cáo Dương Văn M được đánh giá có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự. Việc bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy tuy pháp luật

không quy định là phạm tội, tuy nhiên đây là hành vi bị xã hội lên án, bởi hiện nay việc sử dụng trái phép chất ma túy làm cho người sử dụng dễ dẫn đến nghiện ma túy, lệ thuộc chất ma túy, từ đó suy giảm sức khỏe, khả năng lao động, có những hành vi không chuẩn mực theo yêu cầu đòi hỏi của xã hội. Do đó, bị cáo cần phải nhận thức hành vi sai phạm của bản thân để sửa chữa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện. Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Với tổng tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của các chất ma túy bị cáo tàng trữ, đánh giá các căn cứ quyết định hình phạt, thấy cần thiết xử phạt cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Qua kết quả xác minh của cơ quan điều tra thì bị cáo không sở hữu tài sản có giá trị, bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, có 01 con còn nhỏ. Nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về tang vật vụ án: Tang vật là ma túy, là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành; 01 túi xách màu đen bị cáo dùng để tàng trữ chất ma túy, tịch thu tiêu hủy. 03 (Ba) chiếc điện thoại di động; 04 triệu đồng thu của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, trả lại cho bị cáo.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

### 1. Tuyên bố:

Bị cáo **Dương Văn M** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

**2. Về hình phạt:** Áp dụng khoản 1 Điều 194, Điều 33, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015; điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo **Dương Văn M** 03 (Ba) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 26/02/2017.

**3. Về tang vật vụ án:** Áp dụng khoản 1 Điều 41, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

a) Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

Tịch thu, tiêu hủy chất ma túy đựng trong 4 phong bì sau:

- 01 (Một) phong bì, kí hiệu bằng chữ viết tay “QT DƯƠNG VĂN M 1”

- 01 (Một) phong bì, kí hiệu bằng chữ viết tay “QT DƯƠNG VĂN M 2”
- 01 (Một) phong bì, kí hiệu bằng chữ viết tay “QT DƯƠNG VĂN M 3”
- 01 (Một) phong bì, kí hiệu bằng chữ viết tay “QT DƯƠNG VĂN M 4”
- 01 (Một) túi xách màu đen

b) Trả lại cho bị cáo Dương Văn M:

- 4.000.000đ (Bốn triệu) đồng.
- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, đã qua sử dụng, có số imei: 867764020867092, bên trong có lắp 01 (một) sim Viettel
- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, đã qua sử dụng, có số imei: 867764020375856, bên trong có lắp 01 (một) sim Viettel
- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model: 1110, đã qua sử dụng

*(Các vật chứng trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/6/2017 và giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án huyện Văn Lãng lập ngày 20/3/2017 giữa Công an huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn).*

**4. Về án phí:** Áp dụng Điều 98, khoản 1 Điều 99 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Dương Văn M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng;
- CA huyện Văn Lãng (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Văn Lãng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hải Ninh**